

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ 4 NĂM 2016**



Hải Phòng, tháng 01 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05 - 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động quý 4 năm 2016

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 1/7/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiểu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/11/2016)
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/12/2016)
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.755.503.550.197	1.703.846.776.767
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	509.293.273.804	1.043.069.462.202
1. Tiền	111		8.001.273.804	67.411.912.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		501.292.000.000	975.657.549.933
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	858.803.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121		858.803.000.000	
III. Phải thu ngắn hạn	130		51.153.696.241	189.082.802.889
1. Phải thu khách hàng	131	7	12.609.076.332	19.629.420.092
2. Trả trước cho người bán	132	8	23.699.157.629	159.789.484.589
3. Các khoản phải thu khác	133		14.845.462.280	9.663.898.208
IV. Hàng tồn kho	140	9	320.853.735.874	468.483.639.941
1. Hàng tồn kho	141		320.853.735.874	469.800.103.758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.399.844.278	3.210.871.735
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.465.017.382	3.210.871.735
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		11.934.826.896	
B Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		1.255.943.291.952	1.061.001.447.514
I. Tài sản cố định	220		6.193.264.098	7.055.162.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.193.264.098	7.055.162.263
- Nguyên giá	222		8.307.479.215	8.101.880.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.114.215.117)	(1.046.718.537)
II. Tài sản dở dang dài hạn			2.079.090.909	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2.079.090.909	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.247.652.152.163	1.053.888.652.384
1. Đầu tư góp vốn vào công ty con	251		463.692.595.606	478.950.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		786.322.400.000	578.322.400.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.362.843.443)	(3.383.747.616)
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.784.782	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18.784.782	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.011.446.842.149	2.764.848.224.281

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		73.397.812.366	149.578.981.975
I. Nợ ngắn hạn	310		73.397.812.366	149.578.981.975
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	11	2.913.468.600	
3. Người mua trả tiền trước	313	12	16.176.889.746	17.724.239.220
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		303.915.661	374.842.534
6. Chi phí phải trả người lao động	316			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	47.087.221.100	47.246.460.550
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		408.013.977	811.736.389
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321			75.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.508.303.282	8.421.703.282
II. Nợ dài hạn	330			-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		2.938.049.029.783	2.615.269.242.306
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	14	2.938.049.029.783	2.615.269.242.306
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.270.925.591	124.532.011.543
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413		19.572.915.034	19.572.915.034
4. Cổ phiếu quỹ	415		(42.082.508.146)	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415		73.847.067.304	140.260.035.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			23.723.685.729	25.449.803.773
- LNST chưa phân phối kỳ này			50.123.381.575	114.810.231.956
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3.011.446.842.149	2.764.848.224.281



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016		Năm 2015	
			Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2016	Quý 4	Lũy kế đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	186.989.191.244	907.200.407.575	367.363.999.951	1.803.858.644.342
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		186.989.191.244	907.200.407.575	367.363.999.951	1.803.858.644.342
4. Giá vốn hàng bán	11	16	186.090.499.480	822.525.182.035	317.783.441.020	1.531.245.612.621
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		898.691.764	84.675.225.540	49.580.558.931	272.613.031.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	15.087.566.784	77.913.032.324	10.746.240.090	82.061.155.915
7. Chi phí tài chính	22	18	415.623.832	(410.703.728)	3.144.277.076	15.120.370.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			487.500.000	1.401.220.167	7.167.302.382
8. Chi phí bán hàng	24		2.924.497.890	5.949.481.410	(3.301.864.707)	(6.063.995.804)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		801.814.706	3.723.485.967	789.239.449	8.166.218.852
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.844.322.120	153.325.994.215	59.695.147.203	337.451.593.619
11. Thu nhập khác	31		18.884.393.253	20.668.252.611		5.646.403.552
12. Chi phí khác	32			917.239.694	60.053.889	1.098.979.842
13. Lợi nhuận khác	40		18.884.393.253	19.751.012.917	(60.053.889)	4.547.423.710
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.728.715.373	173.077.007.132	59.635.093.314	341.999.017.329
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.753.279.579	15.056.685.117	2.374.842.534	5.198.088.373
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		23.975.435.794	158.020.322.015	57.260.250.780	336.800.928.956



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

MÃ SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>173.077.007.132</i>	<i>341.999.017.329</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.067.496.580	812.684.128
Các khoản dự phòng	03	(2.337.367.990)	2.790.919.824
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục liên tế có gốc ngoại tệ	04	23.995.502	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(77.913.032.324)	(81.120.062.410)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	7.167.302.382
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>94.405.598.900</i>	<i>271.649.861.253</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	140.576.908.316	(129.517.499.001)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	148.946.367.884	(254.461.156.990)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.409.664.932)	(619.547.671.402)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	38.848.085	(25.553.608)
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(7.167.302.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.056.685.117)	(4.808.466.695)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(261.085.952)	(581.781.457)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>366.752.787.184</i>	<i>(744.459.570.282)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.079.090.909)	(3.596.629.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.679.578.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	820.775.000.000	448.550.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	(364.895.052.614)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	78.333.662.507	72.242.114.161
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(990.548.428.402)</i>	<i>153.357.163.910</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	1.220.951.127.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	883.097.031.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(808.097.031.980)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(107.896.940.440)	(168.359.798.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>90.020.551.414</i>	<i>1.127.591.329.000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(533.775.089.804)	536.488.922.628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.043.069.462.202	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.098.594)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	509.293.273.804	1.043.069.462.202



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/5/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Công ty con:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99,78	99,78

Công ty liên kết:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kỳ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ;
- Công ty sở hữu 99,78% Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang do đó Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàn Giang là bên liên quan.
- Các công ty liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

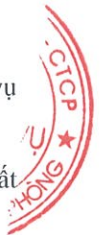
Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	502.773.504	190.825.079
Tiền gửi ngân hàng	7.498.500.300	67.221.087.190
Các khoản tương đương tiền (*)	501.292.000.000	975.657.549.933
Cộng	509.293.273.804	1.043.069.462.202

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	858.803.000.000	858.803.000.000		
Cộng	858.803.000.000	858.803.000.000	-	-

Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con (1)	463.692.595.606	-	478.950.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	786.322.400.000	1.972.247.256	578.322.400.000	3.383.747.616
Cộng	1.250.014.995.606	1.972.247.256	1.057.272.400.000	3.383.747.616

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78

Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	262.522.400.000	262.522.400.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	288.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	786.322.400.000	578.322.400.000

(*) Trong năm Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31/12/2016 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô và bất động sản
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,5	48,5	Kinh doanh linh kiện ô tô

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>12,609,076,332</i>	<i>19,629,420,092</i>
Các đại lý	12,509,076,332	19,629,420,092
Khách hàng lẻ	100,000,000	-
Cộng	12,609,076,332	19,629,420,092

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Dongfeng motor Co., Ltd	1.005.235	22.789.857.629	6.340.661	142.740.308.239
Jinan sinoauto heavy duty truck sales Co.,Ltd	-	-	321.300	7.244.351.100
Doanh nghiệp trong nước	-	909.300.000	-	9.804.825.250
Cộng	1.005.235	23.699.157.629	6.661.961	159.789.484.589

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.414.197.135		57.158.862.779	
Thành phẩm	16.894.042.147		40.597.106.418	
Hàng hóa	51.559.438.205		115.880.778.299	1.316.463.817
Hàng gửi bán	154.260.387.406		256.163.356.262	
Chi phí SXKD dở dang	4.725.670.981			
Cộng	320.853.735.874	-	469.800.103.758	1.316.463.817

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			-
Tại 01/01/2016	7.758.664.002	343.216.798	8.101.880.800
Tăng trong năm	205.598.415	-	205.598.415
Mua trong năm	205.598.415	-	205.598.415
Giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán			
Tại 31/12/2016	7.964.262.417	343.216.798	8.307.479.215
HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2016	803.414.816	243.303.721	1.046.718.537
Khấu hao trong năm	1.048.896.580	18.600.000	1.067.496.580
Thanh lý, nhượng bán			
Tại 31/12/2016	1.852.311.396	261.903.721	2.114.215.117
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	6.955.249.186	99.913.077	7.055.162.263
Tại 31/12/2016	6.111.951.021	81.313.077	6.193.264.098

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	USD	VND	USD	VND
Shiyan Pingyun Industrial and trade Co Ltd	62.573,0	1.427.468.600		
Doanh nghiệp trong nước		1.486.000.000		
Cộng	62.573,0	2.913.468.600	-	-

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các đại lý	16.076.889.746	17.143.589.220
Khách lẻ	100.000.000	580.650.000
Cộng	16.176.889.746	17.724.239.220

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Phải trả khác	13.201.100	172.440.550
Cộng	47.087.221.100	47.246.460.550

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu :

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ký quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2015	573.642.410.000	14.116.236.000		12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000		-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-		-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-		6.792.664.034	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-		-	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-		-	336.800.928.956	336.800.928.956
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	(579.781.457)		-	(2.000.000)	(581.781.457)
Giảm khác	-	-		-	-	-
Tại 01/01/2016	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	140.260.035.729	2.615.269.242.306
Tăng vốn trong kỳ (1)	-	-		-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2)	-	-		-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-		-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-		-	158.020.322.015	158.020.322.015
Tăng vốn trong năm	300.000.000.000	15.000.000.000		-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	116.536.350.000	-		-	(116.536.350.000)	-
Giảm khác	-	(261.085.952)		-	-	(261.085.952)
Tăng giảm cổ phiếu ký quỹ	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Tại 31/12/2016	2.747.440.630.000	139.270.925.591	-42.082.508.146	19.572.915.034	73.847.067.304	2.938.049.029.783

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

Đến ngày 30/06/2016 Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 41.653.635 cổ phiếu tương ứng làm tăng vốn điều lệ của Công ty thêm là 416.536.350.000 đồng (Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 2.330.904.280.000 đồng lên thành 2.747.440.630.000 đồng).

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/04/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 30/06/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 4% tương đương với 107.896.940.440 đồng theo nghị quyết đại hội cổ đông số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 24/10/2016.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	186.538.181.825	367.023.636.337
Doanh thu hoạt động khác	451.009.419	340.363.614
Cộng	186.989.191.244	367.363.999.951

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	186.686.180.940	317.765.692.905
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	(595.681.460)	17.748.115
Cộng	186.090.499.480	317.783.441.020

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.882.004.641	10.382.247.541
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh		-
Lãi chênh lệch tỷ giá	205.562.143	363.992.549
Cộng	15.087.566.784	10.746.240.090

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lãi vay phải trả		1.401.220.167
Chênh lệch tỷ giá	25.027.645	421.309.293
Chi phí hoạt động góp vốn liên doanh	390.596.187	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		1.321.747.616
Cộng	415.623.832	3.144.277.076

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
1. Ngoại tệ các loại (USD)	2.989,30	1.583,07

20. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 như sau:

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
1. Doanh thu thuần	432.367.520.752	121.938.977.767	352.893.909.056	907.200.407.575
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	431.864.840.425	121.938.977.767	352.893.909.056	906.697.727.248
- Doanh thu dịch vụ, hoạt động khác	502.680.327			502.680.327
2. Giá vốn	377.011.110.704	112.566.406.566	332.947.664.765	822.525.182.035
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	376.257.644.901	112.566.406.566	332.947.664.765	821.771.716.232
- Giá vốn dịch vụ, hoạt động khác	753.465.803	-	-	753.465.803
3. Lợi nhuận gộp	55.356.410.048	9.372.571.201	19.946.244.291	84.675.225.540
- Bán hàng hóa, thành phẩm	55.607.195.524	9.372.571.201	19.946.244.291	84.926.011.016
- Doanh thu dịch vụ, hoạt động khác	(250.785.476)	-	-	(250.785.476)

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bản chất bên liên quan

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	34.659.900.000	90.731.309.183
Ký gửi hàng hóa		13.564.564.969
Chi hộ khác	-	892.392.000
Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang		
Nhận cổ tức bằng tiền	38.316.000.000	57.474.000.000
Cho vay vốn lưu động	-	23.500.000.000
Lãi tiền vay	-	4.916.667
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	22.707.500.000
Ký gửi hàng hóa	5.132.568.208	
Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	-	2.662.000.000
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam		
Giá trị công trình thi công bán giao	-	20.826.854.379
Chi phí khác	762.519.765	-

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Ứng trước tiền hàng	-	9.279.825.250
Phải trả thương mại	1.486.000.000	-
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam		
Phải trả khác	47.074.020.000	47.074.020.000

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

24. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 4 NĂM 2016 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Hiện nay, phân khúc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô-tô có sự bão hoà dẫn tới tốc độ tiêu thụ chậm. Cụ thể, doanh thu quý 4 năm 2016 đạt 186.989.191.244 đồng, so với mức 367.363.999.951 cùng kỳ năm ngoái giảm 49,09%. Đây chính là lý do lợi nhuận Quý 4 năm 2016 đạt 23.975.435.794 đồng, giảm 58,12% so với quý 4 năm 2015.



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2017

